

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 459/2023/DS-ST

Ngày: 14-12-2023.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Trung Hiếu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đoàn Minh Thắng.

2. Bà Nguyễn Thị Linh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Quý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023, về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2023/QĐST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

Đại diện ủy quyền: Đỗ Thị Thu Ng, sinh năm 1985.

Địa chỉ: K, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

**- Bị đơn:** Lê Văn T, sinh năm 1955.

Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1956.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

(Chị Ng có đơn xin vắng mặt; ông T, bà Đ vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Huỳnh N, chị Đỗ Thị Thu Ng có đơn xin vắng mặt; theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai, chị Ng trình bày:**

Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Đ mua phân bón, thuốc trừ sâu tại Cửa hàng vật tư nông nghiệp của chị N, hiện nay còn nợ chị N 20.000.000 đồng.

Chị N yêu cầu ông T và bà Đ liên đới trả cho chị N 20.000.000 đồng; yêu cầu trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*\* Tại phiên tòa, cũng như trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến.*

**\* Ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Buộc ông T và bà Đ liên đới trả cho chị N 20.000.000 đồng; trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”; căn cứ, giải quyết theo quy định tại các điều 430 và 440 Bộ luật dân sự.

[2] Chị Ng (đại diện theo ủy quyền của chị N) có đơn xin vắng mặt; ông T và bà Đ vắng mặt không rõ lý do. Do đó xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo câu của chị N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; xét thấy: Ông T và bà Đ có mua phân bón, thuốc trừ sâu tại Cửa hàng vật tư nông nghiệp của chị N nợ số tiền 20.000.000 đồng. Chị N có cung cấp bản chính biên nhận nợ (bút lục số 10), thể hiện ông T và bà Đ có nợ chị Như 20.00.000 đồng. Ông T và bà Đ đã được nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ, nội dung yêu cầu của chị N cho bà Đ, ông T; nhưng ông T, bà Đ vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến, chứng tỏ ông T, bà Đ từ bỏ quyền lợi, nghĩa vụ của mình, chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho chị N. Do đó, chị N khởi kiện yêu cầu bà Đ và ông T trả lại số tiền nêu trên là có cơ sở; nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông T và bà Đ được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm, do người cao tuổi.

[5] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** - Điều 430, 440; khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.  
- Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.  
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huỳnh N.

- Buộc ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Huỳnh N số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí:

+ Ông T và bà Đ được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm, do người cao tuổi.

+ Hoàn lại cho chị N tiền tạm ứng án phí 500.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0011722 ngày 05/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết công khai bản án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Lê Trung Hiếu**